

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2018/HNGĐ-ST
Ngày 21 - 6 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Hoàng Đắc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Loan
Ông Nguyễn Việt Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Nga Muội – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 330/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 214/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Triệu Bé N - sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Kinh H, xã Khánh B, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Trần Thanh P - sinh năm 1981

Tên gọi khác: Huỳnh Hoài P (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 6, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo biên bản hòa giải ngày 12-6-2018, nguyên đơn Chị Triệu Bé N và anh Trần Thanh P (Huỳnh Hoài Phương) thống nhất trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2002, chị N và anh P tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Hai người đã ly thân 05 năm nay. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không thể đoàn tụ nên anh chị thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về nuôi con chung: Chị N và anh P có 01 người con là Huỳnh Quang K – sinh ngày 12-9-2003. Khi ly hôn, anh chị tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản, nợ chung: Chị N và anh P xác định không có.

Do thường xuyên đi biển nên anh P yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Trần Thanh P (Huỳnh Hoài Phương) có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh P.

[2] *Về hôn nhân:* Năm 2002, chị Triệu Bé N và anh Trần Thanh P tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định “*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý*”. Vậy, hôn nhân giữa chị N và anh P đã vi phạm về mặt hình thức.

Mặt khác, chị N và anh P xác định quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Hai người đã ly thân 05 năm nay mà không có liên hệ hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, cả hai yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Xét mục đích hôn nhân giữa chị N và anh P không đạt được và không có giá trị pháp lý nên không được pháp luật công nhận anh chị là vợ chồng.

[3] *Về nuôi con chung:* Chị N và anh P có 01 người con là Huỳnh Quang K– sinh ngày 12-9-2003. Khi ly hôn, anh chị tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về chia tài sản và nợ chung:* Chị N và anh P xác định không có.

[5] *Về án phí:* Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 143, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Chị Triệu Bé N và anh Trần Thanh P (Huỳnh Hoài Phương)

2. Về nuôi con chung: Chị N và anh P có 01 người con là Huỳnh Quang K– sinh ngày 12-9-2003. Khi ly hôn, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về chia tài sản và nợ chung: Chị N và anh P xác định không có.

4. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ngày 21-5-2018, chị N đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008171 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Án xử sơ thẩm nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Phòng KT-NV và THA TAND tỉnh Cà Mau (Gửi email);
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Hoàng Đắc